

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CP  
TỈNH AG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:129/2023/HNGĐ-ST

Ngày : 21 – 3– 2023

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hoàng V

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Cao Trí.

2. Bà Phan Thị Phụng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Nguyễn Huân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị D– Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 561/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị B, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ 07, ấp Xóm Chùa, xã Tân An, huyện Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Ông Phạm Văn B, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp B Đức, xã B Phú, huyện CP, tỉnh AG. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 10 năm 2022, nguyên đơn bà B trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà và ông B do mai mối và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2018 có đăng kết hôn tại UBND xã B Phú, huyện CP nhưng không tổ chức lễ cưới, vì ông B đã làm lễ cưới hai lần và bà đã làm lễ cưới một lần nên hai chúng tôi không tổ chức lễ cưới nữa. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn là mẹ chồng kêu ông B về cưới vợ khác từ đó xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân từ 2019 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà và ông B không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn B được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa để tham gia các tiến trình tố tụng của Tòa thực hiện theo quy định pháp luật, cũng như không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà B.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà B có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông B: Vắng mặt tại phiên Tòa.

*\* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được được công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Bà B và ông B có đăng ký kết hôn, hôn nhân hợp pháp;

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn không đến tham gia phiên tòa. Qua đó cho thấy đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B.

**+ Về con chung: Bà B và ông B trong thời gian chung sống không có con, nên không đặt ra xem xét.**

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Do ông B cư trú tại xã B Phú, huyện CP, tỉnh AG, nên Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà B có đơn xin xét xử vắng mặt, ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà B, thấy rằng:

+ Bà B và ông B có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung **sống, bà B trình bày, vợ chồng chung sống hòa thuận thời gian đầu nhưng về sau có nhiều mâu thuẫn**, đã sống ly thân từ 2019 cho đến nay, lý do mẹ ông B kêu ông B về cưới vợ khác từ đó phát sinh mâu thuẫn.

Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn bà Tô Thị Bé Ba (mẹ ruột ông B) cung cấp thông tin là bà B bỏ ông B ở B Dương đi theo người khác cách đây 4 năm, ông B về quê sống với bà cho đến nay, còn mâu thuẫn ra sao thì bà không rõ. Địa phương cung cấp thông tin là giữa ông B và bà B có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không rõ.

Xét thấy mối quan hệ vợ chồng giữa bà B và ông B thực tế là có phát sinh mâu thuẫn, trong thời gian từ năm 2019 không sống cùng nhau các bên không có biện pháp hàn gắn quan hệ vợ chồng với nhau. Bà B kiên quyết yêu cầu được ly hôn, ông B không có ý kiến đối với yêu cầu của bà B, chứng tỏ ông không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa hai người đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B.

+ Về con chung: Bà B và ông B không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm do ông là người yêu cầu xin ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị B, bà Lê Thị B được ly hôn với ông Phạm Văn B.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 19 cấp ngày 05 tháng 3 năm 2018 của UBND xã B Phú, huyện CP, tỉnh AG không còn giá trị pháp lý, khi bản án có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Bà B và ông B không có con chung, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0005027 ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP nên không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Đang sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh AG; (1)
- VKSND huyện CP; (1)
- CCTHADS huyện CP; (1)
- Đương sự; (2)
- UBND B Phú,
- Lưu hồ sơ vụ án, VT. (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hoàng V**